

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Kế hoạch thực hiện

**Chương trình hành động số 22-Tr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy
thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của
Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)
về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của BCH Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 94/TTr-STNMT ngày 14/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-Tr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Lao động - Thương binh và Xã hội, Du lịch, Công Thương, Giao thông vận tải, Nội vụ, Ngoại vụ, Xây dựng, Tư pháp, Thông tin và Truyền Thông, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ; Trưởng Ban Ban Quản lý khu kinh tế; Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và

Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K13 (45b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định)

Thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 22-CTr/TU và Nghị quyết số 36-NQ/TW), UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hoá những nội dung của Chương trình hành động số 22-CTr/TU, Nghị quyết số 36-NQ/TW; xác định các nội dung, nhiệm vụ cụ thể và lộ trình phù hợp để các sở, ban ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Tăng cường trách nhiệm của các sở, ban ngành và địa phương trong công tác báo cáo, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

2. Yêu cầu

Nhận thức đầy đủ và toàn diện các nội dung của Chương trình hành động số 22-CTr/TU và Nghị quyết số 36-NQ/TW trong suốt quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển bền vững kinh tế biển, Chương trình hành động số 22-CTr/TU; đa dạng hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN

1. Mục tiêu thực hiện đến năm 2030

- Khách du lịch đạt 10 triệu lượt khách, doanh thu đạt 25.000 tỷ đồng.

+ Về khách du lịch: Đến năm 2025 đón được 7,4 triệu lượt khách, trong đó có 1 triệu lượt khách quốc tế, tốc độ tăng trưởng bình quân khách hàng năm đạt 6,3%/năm; đến năm 2030 đón được 10 triệu lượt khách, trong đó có 1,8 triệu lượt khách quốc tế, tốc độ tăng trưởng bình quân khách hàng năm đạt 6,1%/năm.

+ Về doanh thu du lịch: Đến năm 2025 đạt khoảng 15.000 tỷ đồng, tăng bình quân 13,6%/năm; đến năm 2030 đạt khoảng 25.000 tỷ đồng, tăng bình quân 10,8%/năm.

+ Tổng số phòng lưu trú ước đạt 26.000 phòng.

+ Tạo việc làm cho 120.000 lao động, trong đó giải quyết việc làm cho 31.000 lao động trực tiếp du lịch.

- Tổng lượng hàng hóa thông qua các cảng biển đạt 20 triệu tấn/năm.

- Tổng sản lượng khai thác hải sản đạt 190.000 tấn/năm, trong đó sản lượng khai thác hải sản xa bờ đạt 178.000 tấn/năm.

- Sản lượng nuôi trồng thủy hải sản (nước lợ và nước mặn) đạt 23.000 tấn/năm; diện tích nuôi tôm chân trắng đạt 950 ha, tôm sú 1.100 ha, nuôi nhuyễn thể đạt 105 ha.

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu hải sản đạt khoảng 250 triệu USD.

- Khu Kinh tế Nhơn Hội là khu đa ngành, đa lĩnh vực, trọng tâm là du lịch, dịch vụ, đô thị, công nghiệp được lấp đầy 70% diện tích.

- Tổng công suất lắp đặt điện mặt trời là 2.849 MWp.

- Tổng công suất lắp đặt điện gió là 180 MW.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045, tỉnh Bình Định có những bước đột phá lớn trong phát triển kinh tế biển nhanh và bền vững tương xứng với lợi thế, tiềm năng của tỉnh, tiến tới nền kinh tế biển xanh. Kinh tế biển của tỉnh thay đổi về cơ cấu ngành nghề theo hướng hiện đại hóa, phát triển các đô thị biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo; đời sống nhân dân vùng biển, hải đảo được cải thiện và nâng cao toàn diện; tài nguyên biển, hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả và bền vững; môi trường biển được bảo vệ; công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng được tăng cường, đồng bộ.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Đến năm 2030, tập trung đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; (4) Công nghiệp và đô thị ven biển; (5) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (6) Khai thác các tài nguyên khoáng sản biển, cụ thể:

1. Đầu tư phát triển du lịch và dịch vụ biển

Phát triển hạ tầng du lịch, tập trung phát triển các khu nghỉ dưỡng ven biển dọc tuyến Quy Nhơn - Nhơn Hội - Cát Tiên thuộc Phương Mai - núi Bà, Quy Nhơn - Sông Cầu; đầu tư khu du lịch cao cấp mới tại núi Vũng Chùa.

Hoàn thiện các khu du lịch ven biển, điểm dịch vụ du lịch sinh thái ven đầm Thị Nại và vịnh Mai Hương; phát triển sản phẩm du lịch theo đặc trưng thể mạnh

của từng địa điểm tại Tân Thanh - Vĩnh Hội, Eo Gió, Kỳ Co, Phương Mai, Núi Bà, Nhơn Hải, Hòn Khô, Hải Minh¹.

Tập trung phát triển sản phẩm du lịch biển đảo², đẩy mạnh phát triển du lịch văn hóa. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống vùng biển, đảo. Nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái biển, nghỉ dưỡng biển chất lượng cao, vui chơi giải trí, ẩm thực, mua sắm, thể thao trên biển (ca nô dù bay, lặn ngắm san hô, mô tô nước, thuyền buồm, lướt ván, ...)³; mở rộng phát triển các sản phẩm du lịch bổ trợ có tiềm năng và sản phẩm du lịch mới như du lịch cộng đồng, du lịch khoa học, du lịch mạo hiểm,...

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch biển; bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho lực lượng lao động ngành du lịch về quản lý, quản trị doanh nghiệp và nghề du lịch, truyền thông du lịch cộng đồng.

2. Phát triển kinh tế hàng hải

a. Phát triển hệ thống cảng biển

Xây dựng Khu bến Quy Nhơn - Thị Nại là khu bến tổng hợp, có bến chuyên dùng công ten nơ cho tàu trọng tải đến 50.000 tấn, có bến chuyên dùng cho tàu trọng tải từ 5.000 đến 10.000 tấn. Đây là khu bến chính của cảng biển Quy Nhơn, bao gồm: đầu tư nâng cấp Bến Quy Nhơn, Bến Tân Cảng Quy Nhơn, Bến Thị Nại, Bến Tân Cảng miền Trung, Bến Đống Đa⁴.

Đầu tư Khu bến Nhơn Hội có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng đến 10.000 tấn (đến năm 2025) và đầu tư hoàn thiện công suất tiếp nhận tàu có tải trọng đến 30.000 tấn (đến năm 2030);

Xây dựng tuyến luồng hàng hải vào cảng Nhơn Hội; nâng cấp luồng hàng hải vào cảng Quy Nhơn.

b. Phát triển hệ thống Logistic

Xây dựng, từng bước hoàn thiện về hạ tầng: cảng biển, kho bãi, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, các trung tâm logistics để phục vụ các dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh⁵.

Phát triển cụm phía Bắc - Logistic số 1 là tiền cảng của cảng Quy Nhơn, đặt tại xã Phước Lộc; cụm phía Tây Nam - Logistic số 2 là khu trung chuyển hàng hóa khi tuyến cao tốc Bắc Nam hình thành, đặt tại xã Canh Vinh⁶.

¹ Quyết định số 514/QĐ-TTg ngày 08/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội đến năm 2040.

² Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bình Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

³ Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh Bình Định thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng nhu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 1685/QĐ-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴ Quyết định số 2370/QĐ-BGTVT ngày 26/7/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển Nam Trung bộ (Nhóm 4) giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

⁵ Quyết định số 4317/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics tỉnh Bình Định đến năm 2025.

⁶ Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035.

c. Hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm, phục vụ nâng cao năng lực vận tải vùng ven biển

Hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm, bao gồm: Tuyến Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1); Nâng cấp đường phía Tây tỉnh (ĐT.638); Đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội kéo dài; Đường ven biển của tỉnh; mở rộng đường vào sân bay Phù Cát; xây dựng thêm 01 cầu qua đầm Thị Nại; nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh kết nối với vùng ven biển.

3. Phát triển lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản⁷

a. Khai thác, nuôi trồng hải sản

Về khai thác hải sản, tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Khai thác hải sản bền vững, bảo vệ tốt nguồn lợi thủy sản, đạt mức tăng trưởng vừa phải, chú trọng đến nâng cao chất lượng bảo quản sản phẩm sau khai thác nhằm tăng giá trị, giảm tổn thất sau thu hoạch. Ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong khai thác và bảo quản sản phẩm sau khai thác.

- Giảm dần tàu thuyền và sản lượng khai thác ven bờ; phát triển cải hoán, đóng tàu khai thác xa bờ để thay thế các tàu xa bờ có tuổi sử dụng cao (trên 10 năm), tăng số lượng tàu cá xa bờ đến năm 2030 là 3.650 chiếc.

- Duy trì ổn định số lượng tàu cá tham gia khai thác vùng biển xa, cải hoán tàu cá đánh bắt xa bờ, nâng cấp máy, vỏ và ngư lưới cụ, trang thiết bị trên tàu, chú trọng phát triển tàu cá có công suất từ 400CV trở lên.

- Tổ chức giám sát hoạt động tàu cá trên biển thông qua thiết bị giám sát hành trình bằng công nghệ vệ tinh (100% tàu cá tham gia khai thác trên biển phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình).

- Xây dựng lực lượng kiểm ngư cấp tỉnh đủ mạnh để kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và xử phạt tàu cá vi phạm khi khai thác trên biển (đảm bảo 100% tàu cá khi tham gia khai thác hải sản trên biển tuân thủ quy định).

- Mở rộng các dịch vụ cung cấp vật tư, ngư lưới cụ, kỹ thuật, lắp đặt sửa chữa các trang thiết bị hàng hải tại các cơ sở đóng tàu.

- Nâng cấp các cơ sở đóng mới và sửa chữa tàu thuyền: Tam Quan Bắc, Cát Khánh, Mỹ Thành; phát triển 02 trung tâm dịch vụ hậu cần tại xã Tam Quan Bắc và đầm Đê Gi; đầu tư cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá (kho cấp đông bảo quản sản phẩm, nước đá sạch,...) tại các cảng cá Quy Nhơn, Đê Gi, Tam Quan Bắc.

- Xây dựng mới cảng cá Tam Quan; mở rộng khu neo đậu tàu thuyền đầm Thị Nại; mở rộng khu neo đậu Đê Gi; xây dựng khu neo đậu Tam Quan.

Về nuôi trồng thủy hải sản, tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chuyển từ nuôi trồng theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản

⁷ Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 30/5/2015 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường; hiện đại hóa công tác quản lý nghề nuôi biển.

- Phát triển mô hình nuôi biển cộng đồng; mô hình đồng quản lý nuôi biển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; tổ chức sản xuất nuôi biển xa kết hợp với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển đảo.

- Nghiên cứu, chọn tạo giống tôm tăng trưởng nhanh, sạch bệnh để cung cấp cho vùng nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh.

- Thiết lập và kiện toàn hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng chống dịch bệnh chủ động cho những vùng nuôi thủy sản tập trung.

b. Chế biến hải sản

Thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Cát Khánh, khu chế biến thủy sản tập trung dọc quốc lộ 19 mới. Phát triển các cơ sở, nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu gắn với các cảng cá tại huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát.

Phát triển sản xuất các sản phẩm của Làng nghề chế biến thủy sản Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn; Mỹ An và Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ.

Di dời các nhà máy chế biến thủy sản ở nội thành Quy Nhơn vào các khu, cụm công nghiệp, khu chế biến tập trung; phát triển chế biến xuất khẩu theo chiều sâu với công nghệ mới, nâng cấp các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu.

Thực hiện các chính sách của UBND tỉnh về khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản.

4. Khuyến khích phát triển ngành công nghiệp và đô thị ven biển

Sửa đổi, bổ sung định hướng phát triển công nghiệp; xây dựng Đề án cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2030 để thực hiện điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại các ngành công nghiệp và phát triển các ngành kinh tế trên từng vùng, từng địa phương, đặc biệt là tại các huyện, thành phố ven biển. Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, thân thiện với môi trường đi đôi với phát triển hợp lý các ngành sửa chữa và đóng tàu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến thủy sản, công nghiệp phụ trợ; xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực kinh tế biển.

Đến năm 2025, phấn đấu tỷ lệ lấp đầy Khu kinh tế Nhơn Hội đạt 55% diện tích với các nhiệm vụ thể như sau⁸:

- Đầu tư các dự án thành phần tại Phân khu 07 - Khu công nghiệp - đô thị Becamex A.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị.

- Xây dựng và phát triển các khu đô thị mới gồm: khu đô thị Cát Tiến, khu đô thị Nhơn Hội, khu đô thị Phương Mai, khu đô thị ven đầm Thị Nại.

⁸ Quyết định số 514/QĐ-TTg ngày 08/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội đến năm 2040

- Đầu tư hạ tầng giao thông đối nội, đối ngoại, giao thông đường thủy, công trình đầu mối giao thông; công trình cấp điện, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

Đến năm 2030, phần đầu tỷ lệ lấp đầy Khu kinh tế Nhơn Hội đạt 70% diện tích theo mục tiêu đề ra với các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Triển khai các dự án tại Phân khu 08 - Khu đô thị - dịch vụ Becamex B.

- Thu hút các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, dự án có công nghệ sản xuất tiết kiệm năng lượng, xanh và thân thiện với môi trường vào Khu công nghiệp Becamex Bình Định.

- Tiếp tục đầu tư triển khai dự án tại các phân khu chức năng còn lại.

- Đầu tư hạ tầng giao thông đối nội, đối ngoại, giao thông đường thủy, công trình đầu mối giao thông, giao thông công cộng; công trình cấp điện, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

Phát triển các đô thị ven biển như khu đô thị hai bên bờ đầm Thị Nại, khu đô thị Nhơn Hội, Nhơn Lý, Cát Tiến,... theo hướng hiện đại gắn với phát triển du lịch và dịch vụ biển. Phát triển mạng lưới trung tâm thương mại gắn với mạng lưới giao thông công cộng. Tập trung phát triển các khu trung tâm hỗn hợp trong các khu đô thị mới, đặc biệt ở khu đô thị Mai Hương.

5. Tập trung đầu tư năng lượng tái tạo và phát triển các ngành kinh tế biển mới

Triển khai các dự án điện gió, điện mặt trời đã được cấp phép; bổ sung vào quy hoạch về phát triển điện gió, điện mặt trời ở những vùng đất sản xuất kém hiệu quả để thu hút đầu tư; thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho Khu kinh tế Nhơn Hội.

Quy hoạch sử dụng đất của Khu kinh tế Nhơn Hội để phát triển năng lượng tái tạo đến năm 2030 khoảng 755 ha, chiếm 5,3% diện tích; đến năm 2040 tăng quỹ đất để phát triển năng lượng tái tạo lên 995 ha, chiếm 7,0% diện tích.

Đầu tư cơ sở hạ tầng lưới điện để đấu nối các dự án điện gió, điện mặt trời vào hệ thống điện quốc gia; đến năm 2030 có khoảng 07 dự án điện gió, 22 dự án điện mặt trời đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng, sản xuất dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo,... để phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển.

6. Khai thác bền vững các tài nguyên khoáng sản

Nâng cao hiệu quả khai thác khoáng sản biển gắn với chế biến sâu; khai thác hợp lý, theo quy hoạch; kết hợp với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển. Phối hợp điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng cát silic ở vùng biển của tỉnh làm cơ sở cho việc lập quy hoạch tổng thể khoáng sản cát silic của Việt Nam và lập quy hoạch cát xây dựng ven biển của tỉnh.

Đến năm 2045, tiếp tục đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển để tỉnh Bình Định có những bước đột phá lớn trong phát triển kinh tế biển nhanh và bền vững tương xứng với lợi thế, tiềm năng của tỉnh, tiến tới nền kinh tế biển xanh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND tỉnh

Là cơ quan chỉ đạo toàn diện việc triển khai Kế hoạch này; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá toàn diện việc thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU, Nghị quyết số 36-NQ/TW để báo cáo Tỉnh ủy.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này; đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp mới phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giám sát, đánh giá và tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này và xây dựng Báo cáo thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển;

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xác định các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nhiệm vụ thu hút các nguồn vốn khác trong và ngoài nước; bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ, dự án đề ra trong Chương trình hành động số 22-CTr/TU, Kế hoạch này; huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ phát triển bền vững kinh tế biển; tham mưu UBND tỉnh về hợp tác công - tư trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan cân đối các nguồn kinh phí sự nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

5. Sở Du lịch

Chủ trì tham mưu thực hiện các Đề án, Chương trình, Kế hoạch phát triển du lịch biển, đảo; xây dựng các Chương trình du lịch, tuyến du lịch biển, đảo; xúc tiến, quảng bá du lịch; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chỉ đạo thực hiện chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), phòng, chống thiên tai từ biển; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ về nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển, ven biển, ven đảo.

7. Sở Công thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình UBND tỉnh phê

duyet, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các dự án, nhiệm vụ về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển; các ngành công nghiệp ven biển thân thiện với môi trường.

8. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chính sách, nhiệm vụ về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và vận tải phục vụ phát triển kinh tế biển.

9. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình UBND tỉnh các quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu đô thị sinh thái ven biển; các khu đô thị ven biển theo hướng hiện đại gắn với phát triển du lịch và dịch vụ biển; phát triển hạ tầng kỹ thuật cho các địa phương ven biển, vùng biển và hải đảo.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban ngành, địa phương có liên quan xây dựng và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

11. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành, địa phương liên quan rà soát, đánh giá tổng thể và đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về biển và hải đảo để thực hiện đầy đủ các nội dung được đề ra trong Chương trình hành động số 22-CTr/TU, Nghị quyết số 36-NQ/TW.

12. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các địa phương liên quan tham mưu, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về biển, hải đảo; tăng cường năng lực cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo theo Chương trình hành động số 22-CTr/TU, Nghị quyết số 36-NQ/TW.

13. Sở Ngoại vụ

Chủ động tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

14. Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Chủ động phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương có liên quan triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển; đào tạo nghề vùng ven biển.

15. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban ngành, địa phương liên quan xây dựng và triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức của nhân dân trong tỉnh

về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển và hải đảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nước ta trên Biển Đông, về tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

16. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

Thu hút các nhà đầu tư có năng lực thực hiện các dự án tại Khu kinh tế Nhơn Hội, trọng tâm các lĩnh vực du lịch, dịch vụ, đô thị, công nghiệp; tham mưu xây dựng và thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế biển tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp.

17. Công an tỉnh

Tăng cường phát động phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tăng cường năng lực bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội, thực thi pháp luật trên biển và vùng ven biển trên địa bàn tỉnh.

18. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh làm chỗ dựa cho ngư dân và các thành phần kinh tế sản xuất và khai thác tài nguyên. Ưu tiên phát triển kinh tế biển gắn liền với quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo và xây dựng thế trận toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

19. UBND các huyện ven biển và thành phố Quy Nhơn

Căn cứ Kế hoạch này, Chương trình hành động số 22-CTr/TU và chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng Kế hoạch thực hiện của địa phương mình và ban hành trong quý I năm 2020; đồng thời phối hợp thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án trong Kế hoạch này.

Các Sở, ban ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, Kế hoạch này và Chương trình hành động số 22-CTr/TU xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao đồng bộ, có hiệu quả; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện và trước ngày 01 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các Sở, ban ngành, địa phương phản ánh về UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 22-CTr/TU NGÀY 29/7/2019 CỦA TỈNH ỦY

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2020 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Hoàn thành và triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Du lịch	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội du lịch, các cơ sở đào tạo	2020 - 2030
2	Hoàn thành và triển khai thực hiện Đề án đảm bảo môi trường trong hoạt động du lịch tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Du lịch	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban ngành, địa phương liên quan, doanh nghiệp du lịch	2020 - 2030
3	Triển khai thực hiện Đề án thu hút khách du lịch Đông Bắc Á đến năm 2025	Sở Du lịch	Các Sở, ban ngành, địa phương liên quan, Hiệp hội du lịch	2020 - 2025
4	Xây dựng mô hình quản lý Khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Du lịch	Các sở, ban ngành, địa phương liên quan	2020 - 2030
5	Triển khai các hoạt động định vị thương hiệu, quảng bá và truyền thông về du lịch biển, hải đảo	Sở Du lịch	Các sở, ban ngành, địa phương liên quan	2020 - 2030
6	Thực hiện Định hướng phát triển du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Bình Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Sở Du lịch	Các sở, ban ngành, địa phương liên quan	2020 -2030
7	Hoàn thành và triển khai thực hiện Đề án xác định đóng góp của ngành du lịch vào nền kinh tế tỉnh Bình Định	Sở Du lịch	Cục Thống kê, các Sở, ban ngành, địa phương, Hiệp hội du lịch	2020 - 2025
8	Triển khai thực hiện Đề án Phát triển du lịch cộng đồng tại thôn Lý Lương, Lý Hưng - xã Nhơn Lý, khu vực Bãi Xếp - phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn đến năm 2025	UBND thành phố Quy Nhơn, Sở Du lịch	Các Bộ, ban, ngành và địa phương liên quan	2020 - 2025
9	Xây dựng Cảng biển Quy Nhơn theo quy hoạch được duyệt	Bộ Giao thông vận tải	UBND tỉnh Bình Định, các Sở, ban ngành, địa phương ven biển	2020 - 2030

10	Triển khai Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics tỉnh Bình Định đến năm 2025	Sở Công thương	Các sở, ban ngành, UBND các huyện có quy hoạch Logistics	2020 - 2030
11	Dự án Tuyến đường Quốc lộ 19 (đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1)	Ban QLDA Giao thông tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban ngành liên quan, UBND huyện Tuy Phước, TP Quy Nhơn	Hoàn thành trong năm 2020
12	Dự án nâng cấp đường phía Tây tỉnh (ĐT.638), Km130 - Km 143+787	Ban QLDA Giao thông tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban ngành liên quan, UBND huyện Tuy Phước, TP Quy Nhơn	Hoàn thành trong năm 2020
13	Dự án Đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội nối dài	Ban QLDA Giao thông tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban ngành liên quan, UBND huyện Tuy Phước, Phù Cát	Hoàn thành trong năm 2020
14	Dự án đường ven biển địa phận tỉnh Bình Định: + Cầu Thị Nại 2; + Các đoạn tuyến: Cát Tiến - Đê Gi, Đê Gi - Mỹ Thành, Mỹ Thành - Cầu Lại Giang, Lại Giang - Tam Quan Bắc	Sở Giao thông vận tải, Ban QLDA Giao thông tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban ngành, địa phương liên quan	2020 - 2025
15	Dự án đường ven biển địa phận tỉnh Bình Định (các đoạn còn lại)	Sở Giao thông vận tải, Ban QLDA Giao thông tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban ngành, địa phương liên quan	2026 - 2030
16	Xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng đường giao thông của Khu kinh tế Nhơn Hội: + Tuyến đường dẫn ra cảng tổng hợp Khu kinh tế Nhơn Hội + Tuyến đường chuyên dụng phía Tây Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 2) + Tuyến đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 2) + Tuyến đường Quy Nhơn - Nhơn Hải (điểm đầu tại nút giao tuyến N1 với tuyến bê tông hiện trạng) + Tuyến đường tránh qua Nhơn Lý + Tuyến đường nối đi sân bay Phù Cát, đoạn qua khu đô thị Cát Tiến	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	Các Sở, ban ngành, địa phương liên quan	2021 - 2030

17	Xây dựng bến xe khách phía Bắc tại đô thị Cát Tiến	UBND huyện Phù Cát	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, các Sở, ban ngành, địa phương liên quan	2021 - 2030
18	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Nhơn Hội + Điểm số 1, tuyến du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến thuộc Khu đô thị du lịch Nhơn Hội + Phân khu số 5 và số 8 phần mở rộng của giai đoạn 1 thuộc Khu đô thị du lịch Nhơn Hội + Phân khu số 5 và số 8 giai đoạn 2 thuộc Khu đô thị du lịch Nhơn Hội	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các Sở, ban ngành, địa phương liên quan	2020 - 2024
19	Nâng cấp trạm xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Hội lên 4.000m ³ /ngày đêm	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các Sở, ban ngành, địa phương liên quan	2020 - 2024
20	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tại Phân khu 3, công suất 2.000m ³ /ngày đêm	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các Sở, ban ngành, địa phương liên quan	2022 - 2024
21	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tại Phân khu 2, công suất 2.000m ³ /ngày đêm	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các Sở, ban ngành, địa phương liên quan	2026 - 2030
22	Xây mới bến xe hỗn hợp phía Nam gần đầu cầu Thị Nại	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các Sở, ban ngành, địa phương liên quan	2026 - 2028
23	Triển khai xây dựng các nhà máy điện gió, điện mặt trời: - Nhà máy điện mặt trời QNY - Dự án Nhà máy điện gió: Nhơn Hội 1 và Nhơn Hội 2 tại sườn núi phía Tây núi Phương Mai - Nhà máy điện mặt trời tại xã Nhơn Hải	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các Sở, ban ngành, địa phương liên quan, nhà đầu tư	2020 - 2023
24	Theo dõi, đôn đốc các nhà đầu tư triển khai xây dựng các dự án điện gió, điện mặt trời	Sở Công thương	Các Sở, ngành, địa phương liên quan, nhà đầu tư	2021 - 2030
25	Tổ chức nghiên cứu, điều tra, đánh giá nguồn lợi hải sản vùng nước ven bờ	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện ven biển và Tp Quy Nhơn	2020 - 2025
26	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý tàu cá, ngư cụ khai thác, vùng	Sở Nông nghiệp và	Bộ Nông nghiệp và PTNT, các	2020 - 2025

	khai thác, cảng cá, sản lượng nguyên liệu hải sản, việc ghi và nộp nhật ký khai thác, lắp đặt và bật thiết bị hành trình trong chuyến biển để phục vụ cho công tác xác nhận, chứng nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, xuất khẩu	PTNT	doanh nghiệp thu mua, xuất khẩu thủy sản	
27	Xây dựng cơ sở đóng mới và sửa chữa tàu cá vỏ thép, composite, gỗ và dịch vụ hậu cần tại Khu kinh tế Nhơn Hội	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện ven biển, TP Quy Nhơn	2025 - 2030
28	Xây dựng các phương án, đề án để bảo tồn, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái quan trọng. Quy hoạch các khu vực bãi sinh sản, bảo vệ rạn san hô, thảm cỏ biển, bảo tồn các loài thủy sản quý hiếm, bảo tồn các hệ sinh thái trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện ven biển và TP Quy Nhơn	Viện Hải Dương học, các viện nghiên cứu, các Tổ chức phi chính phủ	2020 - 2025
29	Thành lập các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu bảo vệ loài và sinh cảnh tại các khu vực biển có tính đa dạng sinh học cao, có các bãi giống thủy sản trên địa bàn tỉnh như khu vực biển vịnh Quy Nhơn, đầm Trà Ổ, đầm Đề Gi, đầm Thị Nại	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện ven biển và TP Quy Nhơn	2020 - 2025
30	Dự án Cảng cá và khu neo đậu trú bão Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2021 - 2025
31	Xây dựng cơ sở dữ liệu về trữ lượng nguồn lợi thủy sản để làm cơ sở cho việc phân bổ hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản phù hợp đối với nguồn lợi thủy sản tại vùng lộng và vùng ven bờ trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện ven biển và TP Quy Nhơn	UBND các xã ven biển, ven đầm	2025
32	Khu đô thị Cát Khánh đạt chuẩn đô thị loại V	UBND huyện Phù Cát	Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến 2025
33	Đô thị Hoài Nhơn đạt chuẩn đô thị loại III	UBND huyện Hoài Nhơn	Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan	Đến 2035
34	Đô thị Cát Tiến đạt chuẩn đô thị loại IV	UBND huyện Phù Cát	Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến 2035
35	Đô thị Mỹ Thành đạt chuẩn đô thị loại V	UBND huyện Phù Mỹ	Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến 2035

36	Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển trong quá trình xây dựng và thực hiện Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch
37	Tăng cường xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về biển nhằm thu hút đầu tư và huy động các nguồn lực tham gia đầu tư về lĩnh vực kinh tế biển	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ban quản lý Khu kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
38	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách cho các dự án có liên quan về phát triển bền vững kinh tế biển	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch trung hạn và hàng năm
39	Thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành, địa phương ven biển	2020 - 2030
40	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành, địa phương ven biển	Hoàn thành trong năm 2020
41	Xây dựng và thực hiện Kế hoạch Quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành, địa phương ven biển	2020 - 2030
42	Lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện ven biển và Tp Quy Nhơn	2022 - 2025
43	Đầu tư các trạm quan trắc, trang thiết bị giám sát, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường, ứng phó sự cố môi trường biển	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, địa phương ven biển	2020 - 2030
44	Điều tra, đánh giá kết quả kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo (theo Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT của Bộ TNMT)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành, địa phương ven biển	Hàng năm
45	Triển khai các giải pháp phòng tránh và cảnh báo sự nguy hiểm của dòng RIP (chảy xoáy) tại vùng biển tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành, địa phương ven biển	2020
46	Xây dựng và thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố ven biển	2021 - 2030
47	Nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, Tp ven biển	2021 - 2030

48	Phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành, địa phương ven biển	2022 - 2025
49	Điều tra, xây dựng báo cáo hiện trạng vùng bờ tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành, địa phương ven biển	2023 - 2025
50	Xây dựng và triển khai các mô hình đồng quản lý tài nguyên vùng bờ tại một số địa phương ven biển	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành, địa phương ven biển	2026 - 2030
51	Tăng cường hợp tác khoa học và công nghệ, duy trì và phát triển các chương trình hợp tác với các trung tâm, đơn vị nghiên cứu khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, và đơn vị liên quan	Hàng năm
52	Thiết lập các mối quan hệ và xây dựng các chương trình hợp tác trong và ngoài nước nhằm thu hút nguồn lực và chuyên gia trong lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành và đơn vị liên quan	Hàng năm
53	Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học biển, các đối tượng sinh vật biển quý hiếm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Viện, trường, các tổ chức hoặc cá nhân có chức năng nghiên cứu và có nhu cầu tham gia	Hàng năm
54	Dự án Triển khai hoạt động trợ giúp y tế, hỗ trợ cấp cứu từ xa (Telemedecine) kết nối Bệnh viện đa khoa tỉnh đến xã đảo Nhơn Châu, Tp. Quy Nhơn	Sở Y tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2020 - 2021
55	Dự án Tăng cường năng lực cấp cứu, khám chữa bệnh và dự phòng cho trạm y tế xã đảo Nhơn Châu, Tp. Quy Nhơn	Sở Y tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ	2020 - 2025